BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Biểu mẫu 13

Đơn vị: MẦM NON 25A

Chương: 622

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 09A/QĐ-MN25A ngày 12/01/2023 của trường Mầm non 25A)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí**	344,880
1.1	Lệ phí	
1.2	Học phí	344,880
2	**Chi từ nguồn thu học phí được để lại**	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục	
a	Chi cải cách tiền lương	137,952
b	Chi hoạt động	206,928
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**6.115,876**
1	**Chi quản lý hành chính**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	**Nghiên cứu khoa học**	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**6.151,876**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.088,328
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.063,548

Bình Thạnh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON 25A

Lê thị Ngọc Trâm

Biểu mẫu 14

Đơn vị: MẦM NON 25A

Chương: 622

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	**Số thu phí, lệ phí**				
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
2.1	Chi sự nghiệp……..				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**				
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**6.151,876**	**2.263,390**	**37%**	**48%**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Nghiên cứu khoa học**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**6.151,876**	**2.263,390**	**37%**	**48%**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.088,328	1.757,059		
3.3	Kinh phí cải cách tiền lương	2.063,548	506,331		

Bình Thạnh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG MẦM NON 25A

Lê thị Ngọc Trâm

Biểu số 15

Đơn vị: MẦM NON 25A

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 89/QĐ-MN25A ngày 03/07/2023 của Hiệu trưởng Trường Mầm Non 25A)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	**Quyết toán thu**	**1.458,709**	**1.458,709**			
A	**Tổng số thu**	**1.458,709**	**1.458,709**			
1	**Số thu phí, lệ phí**					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	**Thu hoạt động cung ứng dịch vụ**	**1.442,091**	**1.442,091**			
	Thiết bị vật dụng BT	129,319	129,319			
	Tổ chức PV và quản lý BT	470,508	470,508			
	Tổ chức phục vụ ăn sáng	200,992	200,992			
	Học phí	203,168	203,168			
	Vệ sinh phí	46,447	46,447			
	Năng khiếu	290,520	290,520			
	Lương nhân viên nuôi dưỡng	101,137	101,137			
3	**Hoạt động sự nghiệp khác**	**16,618**	**16,618**			
B	**Chi từ nguồn thu được để lại**	**1.458,709**	**1.458,709**	**149,374**	**119,736**	**180,987**
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
2	Hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ	**1.442,091**	**1.442,091**	**149,374**	**119,736**	**180,824**
	Thiết bị vật dụng BT	129,319	129,319		119,736	
	Tổ chức PV và quản lý BT	470,508	470,508	149,374		
	Tổ chức phục vụ ăn sáng	200,992	200,992			
	Học phí	203,168	203,168			121,370
	Vệ sinh phí	46,447	46,447			
	Năng khiếu	290,520	290,520			59,454
	Lương nhân viên nuôi dưỡng	101,137	101,137			
3	**Hoạt động sự nghiệp khác**	**16,618**	**16,618**			**0,163**
II	**Quyết toán chi ngân sách nhà nước**	**5.439,555**	**5.439,555**	**1.511,500**	**295,000**	
A	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**3.904,324**	**3.904,324**	**1.511,500**		
6001	Lương ngạch bậc theo quỹ lương	1.200,081	1.200,081	1.200,081		
6051	Tiền công HĐ theo vụ việc	80,923	80,923	80,923		
6101	Chức vụ	39,336	39,336	39,336		

6105	Làm đêm, thêm giờ	142,662	142,662			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	383,920	383,920			
6113	Phụ cấp trách nhiệm	6,258	6,258			
6115	Phụ cấp thâm niên, vượt khung	191,160	191,160	191,160		
6201	Thưởng thường xuyên	9,834	9,834			
6299	Chi khác	5,852	5,852			
6301	BHXH 15%	248,409	248,409			
6302	BHYT 3%	44,719	44,719			
6303	KPCĐ 2%	31,145	31,145			
6304	BHTN 1%	13,944	13,944			
6349	Các khoản đóng góp khác	7,453	7,453			
6449	Chi khác	42,000	42,000			
6501	Thanh toán tiền điện	29,467	29,467			
6502	Thanh toán tiền nước	32,264	32,264			
6551	Văn phòng phẩm	4,901	4,901			
6599	Vật tư văn phòng khác	3,070	3,070			
6601	Cước phí điện thoại	0,401	0,401			
6605	Thuê bao cước phí Internet	2,849	2,849			
6608	Báo Giáo Dục	1,320	1,320			
6704	Khoán công tác phí	12,000	12,000			
6754	Thuê máy phtocoppy	7,447	7,447			
6757	Thuê lao động hợp đồng	374,674	374,674			
7049	Chi phí nghiệp vụ CM	13,628	13,628			
7757	Phí bảo hiểm tài sản cố định	2,205	2,205			
6449	Chi NQ03	972,402	972,402			
B	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**1.535,231**	**1.535,231**		**295,000**	
6112	Phụ cấp hướng dẫn thử việc	4,678	4,678			
6116	Phụ cấp nghành mầm non	343,602	343,602			
6156	Hỗ trợ đóng học phí	130,920	130,920			
6449	Chi NQ03	761,031	761,031			
6999	Tài sản thang nâng thực phẩm	295,000	295,000		295,000	

Bình Thạnh, ngày 03 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG MẦM NON 25A

Lê Thị Ngọc Trâm